

**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN CHÂU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 47 /GPMT-UBND

Tân Châu, ngày 11 tháng 6 năm 2024

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN CHÂU

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số Điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét đề nghị và hồ sơ kèm theo của Chi nhánh Liên hiệp Hợp tác xã thương mại Tp.HCM – CO.OPMART Tân Châu tại Văn bản số 01/CV-OP.OP ngày 9/4/2024 về việc đề nghị thẩm định cấp giấy phép môi trường của dự án Siêu thị Co.opmart Tân Châu và Văn bản số 02/CV-CO.OP ngày 28/5/2024 về việc giải trình các nội dung chỉnh sửa, bổ sung Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của dự án Siêu thị Co.opmart Tân Châu tại đường Lê Duẩn, thị trấn Tân Châu, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.

Theo đề nghị của Trưởng Phòng Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 460.../TTr-STNMT ngày 7.../6.../2024.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Cấp phép cho Chi nhánh Liên hiệp Hợp tác xã thương mại Tp.HCM – CO.OPMART Tân Châu được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của dự án Siêu thị Co.opmart Tân Châu tại đường Lê Duẩn, thị trấn Tân Châu, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của dự án đầu tư:

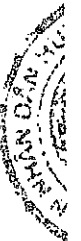
1.1. Tên dự án đầu tư: Siêu thị Co.opmart Tân Châu (Sau đây gọi là Dự án).

1.2. Địa chỉ hoạt động: đường Lê Duẩn, thị trấn Tân Châu, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh hợp tác xã số 0301175691-032 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tây Ninh cấp đăng ký lần đầu ngày 19 tháng 9 năm

1.4. Mã số thuế: 0301175691-032

1.5. Loại hình Dự án: mua sắm tổng hợp và giải trí.



1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của Dự án đầu tư:

- Quy mô: Dự án nhóm III theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP

- Công suất: 1000 khách/ngày.

- Tổng diện tích: 5.213,2 m².

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện các yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này..

2.2. Yêu cầu về quản lý chất thải rắn, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Chi nhánh Liên hiệp Hợp tác xã thương mại Tp.HCM – CO.OPMART Tân Châu:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Chi nhánh Liên hiệp Hợp tác xã thương mại Tp.HCM – CO.OPMART Tân Châu có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Công khai Giấy phép môi trường của Dự án Siêu thị Co.opmart Tân Châu trên trang thông tin điện tử của Chi nhánh Liên hiệp Hợp tác xã thương mại Tp.HCM – CO.OPMART Tân Châu hoặc trụ sở Ủy ban nhân dân thị trấn Tân Châu, huyện Tân Châu; thời điểm công khai chậm nhất là 10 ngày sau khi được cấp giấy phép đúng theo quy định tại Khoản 1 Điều 102 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

2.3. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.4. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.5. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.6. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm (từ ngày 11. tháng 6. năm 2024 đến ngày 11. Tháng 6. năm 2034).

Giấy xác nhận số 11/GXN-UBND ngày 7 tháng 3 năm 2017 của Ủy ban nhân dân huyện về việc xác nhận đăng ký kế hoạch bảo vệ môi trường của Dự án Siêu thị Co.opmart Tân Châu thuộc Chi nhánh Liên hiệp Hợp tác xã thương mại Tp.HCM – CO.OPMART Tân Châu hết hiệu lực kể từ ngày ký Giấy phép này.

Điều 4. Giao Phòng Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp các đơn vị có liên quan tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với Dự án được cấp phép theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Chủ Dự án;
- Sở TN&MT tỉnh Tây Ninh;
- CT, các PCT UBND huyện;
- LĐVP, CVNC;
- Phòng TN&MT huyện Tân Châu;
- UBND thị trấn Tân Châu;
- Lưu: VP.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Hòa Bình

10/10/2024

Phụ lục 1

**NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC
VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI
THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI**

*(Kèm theo Giấy phép môi trường số/GPMT-UBND
ngày ... tháng ... năm 2024 của Ủy ban nhân dân huyện)*

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI:

1. Nguồn phát sinh nước thải:

- Nguồn số 01: Nước thải từ hoạt động sinh hoạt của công nhân viên và khách hàng với lưu lượng tối đa là $19 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$.

- Nguồn số 02: Nước thải từ khu vực sơ chế và chế biến thức ăn có lưu lượng tối đa là: $6 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$.

Tổng lưu lượng nước thải phát sinh tối đa của siêu thị là $25 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải và vị trí xả thải:

2.1. Dòng nước thải xả vào nguồn tiếp nhận:

Có 01 (một) dòng nước thải sau xử lý từ các nguồn số 01, 02 đạt Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt QCVN 14:2008/BTNMT, cột A, hệ số K = 1,2 xả thải ra nguồn tiếp nhận.

2.2. Nguồn tiếp nhận nước thải:

Nước thải sau hệ thống xử lý nước thải tập trung của Dự án có công suất $50 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$ khi xử lý đạt cột A, QCVN 14:2008/BTNMT, với hệ số K = 1,2 – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước thải sinh hoạt sau đó bơm cưỡng bức theo đường ống D60, thoát ra cống thoát nước thải chung của khu vực nằm cạnh đường Lê Duẩn chảy ra hệ thống sông Sài Gòn, thị trấn Tân Châu, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.

2.3. Vị trí xả thải

Sau hệ thống xử lý nước thải tập trung của Dự án có công suất $50 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$

Tọa độ vị trí xả nước thải theo hệ tọa độ VN2000, múi chiều 3⁰, kinh tuyến 105⁰30' là X=1277 399; Y=574 813

Điểm xả nước thải: miệng cửa xả nước thải có kích thước D60, vật liệu uPVC (điểm xả nước thải phải có biển báo, có sản công tác diện tích tối thiểu là 01 m^2 và có lối đi thuận lợi cho việc kiểm tra, kiểm soát nguồn thải).

2.4. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: $25 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$ (tương đương $1,04 \text{ m}^3/\text{giờ}$).

2.4.1. Phương thức xả nước thải: tự chảy

2.4.2. Chế độ xả thải: 24 giờ/ngày.đêm.

2.4.3. Chất lượng nước thải trước khi xả thải vào môi trường phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường đạt A theo QCVN 14:2008/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước thải sinh hoạt, giá trị C (hệ số K = 1,2), cụ thể như sau:

TT	Thông số	Đơn vị	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	pH	-	5 - 9	6 tháng/lần	Không thuộc đối tượng phải quan trắc nước thải tự động, liên tục theo quy định Khoản 2 Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP
2	BOD ₅ 20°C	mg/L	30		
3	TSS	mg/L	50		
4	Sunfua (tính theo H ₂ S)	mg/L	1.0		
5	Amoni (tính theo N)	mg/L	5		
6	Nitrat (NO ₃ ⁻) (tính theo N)	mg/L	30		
7	Phosphat (PO ₄ ³⁻) (tính theo P)	mg/L	6		
8	Tổng Coliforms	MPN/100mL	3.000		

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống:

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải:

Đối với nước thải sinh hoạt: phát sinh từ nhà vệ sinh tại các khu vực siêu thị: nhà vệ sinh nhân viên (WC1), nhà vệ sinh khách (WC2) với lưu lượng 19 m³/ngày được thu gom bằng ống PVC D 65mm về bể tự hoại 3 ngăn (số lượng 02 bể, có thể tích mỗi bể 12m³ để xử lý sơ bộ. Nước thải sau khi qua bể tự hoại theo đường ống PVC Φ200 mm dài khoảng 50m sau đó được đưa về hệ thống xử lý nước thải tập trung, công suất 50 m³/ngày.đêm của Siêu thị.

Đối với nước thải khu vực sơ chế và chế biến thức ăn: Nước thải từ khu vực sơ chế và chế biến thức ăn được thu gom về khu chế biến với lưu lượng lớn nhất 6 m³/ngày.đêm được đưa qua bể tách mỡ nhằm loại bỏ váng mỡ thừa trong nước thải theo đường ống PVC Φ150 mm dài khoảng 30m sau đó thu gom về hệ thống xử lý nước thải tập trung, công suất 50 m³/ngày.đêm của Siêu thị.

Toàn bộ nước thải từ hoạt động của siêu thị và nước thải sinh hoạt sau xử lý sơ bộ được thu gom dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung của Siêu thị để xử lý đạt cột A, QCVN 14:2008/BTNMT, với hệ số $K = 1,2$ – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước thải sinh hoạt sau đó bơm cưỡng bức theo đường ống D60, thoát ra cống thoát nước thải chung của khu vực nằm cạnh đường Lê Duẩn chảy ra hệ thống sông Sài Gòn, thị trấn Tân Châu, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

1.2.1. Tóm tắt quy trình xử lý, đầu nổi nước thải:

- Nước thải sinh hoạt tại các khu nhà vệ sinh → bể tự hoại 03 ngăn → hệ thống xử lý nước thải tập trung, công suất $50 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$ của Siêu thị.

- Nước thải từ khu vực sơ chế và chế biến thức ăn → bể tách mỡ → hệ thống xử lý nước thải tập trung, công suất $50 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$ của Siêu thị.

Hệ thống xử lý nước thải tập trung có quy trình công nghệ như sau:

Nước thải → Bể thu gom → Bể tách mỡ → Bể điều hòa → Bể anoxic → Bể aerotank → Bể sinh học MBR.

Hóa chất sử dụng: Javel (NaOCl) và NaOH .

Đầu nổi nước thải: nước thải sau khi được xử lý đạt QCV14:2008/BTNMT, cột A với hệ số $K = 1,2$ sẽ bơm cưỡng bức theo đường ống D60, thoát ra cống thoát nước thải chung của khu vực nằm cạnh đường Lê Duẩn chảy ra hệ thống sông Sài Gòn, thị trấn Tân Châu, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.

1.2.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

- Một (01) bể thu gom có kết cấu vật liệu kích thước mỗi bên $1,4\text{m} \times 1\text{m} \times 3,4\text{m}$.

- Ba (03) bể tách dầu mỡ có kết cấu vật liệu kích thước mỗi bên $1,5\text{m} \times 1,4\text{m} \times 3,4\text{m}$.

- Một (01) bể điều hòa có kết cấu vật liệu kích thước mỗi bên $3,2\text{m} \times 2\text{m} \times 3,4\text{m}$.

- Một (01) bể Anoxic có kết cấu vật liệu kích thước mỗi bên $2\text{m} \times 1,5\text{m} \times 3,4\text{m}$.

- Một (01) bể Aerotank có kết cấu vật liệu kích thước mỗi bên $5,6\text{m} \times 2\text{m} \times 3,4\text{m}$.

- Một (01) bể sinh học MBR có kết cấu vật liệu kích thước mỗi bên $2\text{m} \times 1,3\text{m} \times 3,4\text{m}$.

- Một (01) bể chứa bùn có kết cấu vật liệu kích thước mỗi bên $5,4\text{m} \times 1,4\text{m} \times 3,4\text{m}$.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

Không thuộc đối tượng phải lắp đặt.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Tổ chức kiểm tra định kỳ và ghi nhận tình trạng hoạt động của hệ thống xử lý nước thải vào sổ nhật ký vận hành hệ thống mỗi ngày.

- Trang bị các thiết bị dự phòng cần thiết để ứng phó, khắc phục sự cố.

- Đào tạo đầy đủ các kiến thức về lý thuyết vận hành hệ thống xử lý nước thải, bảo trì và bảo dưỡng thiết bị, cách xử lý các sự cố cho nhân viên vận hành hệ thống.

- Trường hợp hệ thống xử lý nước thải gặp sự cố hoặc chất lượng nước thải sau xử lý không đạt yêu cầu quy định tại mục 2.4.3 phần A của Phụ lục này phải ngừng ngay việc xả nước thải ra nguồn tiếp nhận và lưu chứa nước thải tại 01 bể điều hòa có thể tích hữu ích là $21,76m^3$ để thực hiện các biện pháp khắc phục và xử lý.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

Không thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của Dự án đầu tư bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại phần A phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Lập sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành công trình xử lý nước thải.

3.3. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để vận hành hệ thống xử lý nước thải hiệu quả, công trình thu gom, xử lý nước thải đạt chuẩn quy định.

3.4. Vị trí lấy mẫu quan trắc phải có sẵn thao tác, mẫu lấy phải đảm bảo đúng theo quy định tại Thông tư số 10/2021/TT-BTNMT ngày 30/6/2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật quan trắc môi trường và quản lý thông tin, dữ liệu quan trắc chất lượng môi trường; thời gian quan trắc 6 tháng/lần; thực hiện quan trắc định kỳ.

3.5. Lắp đồng hồ đo lưu lượng nước thải đầu vào và đầu ra hệ thống xử lý nước thải.

3.6. Công ty chịu hoàn toàn trách nhiệm về việc thực hiện thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ quá trình hoạt động của Dự án đạt đạt QCV14:2008/BTNMT, cột A với hệ số K = 1,2 trước khi xả ra môi trường; chịu hoàn toàn trách nhiệm khi xả nước thải không đảm bảo các yêu cầu tại Giấy phép này ra môi trường.

Phụ lục 2
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,
PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số/GPMT-UBND
ngày ... tháng ... năm 2024 của Ủy ban nhân dân huyện)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh:

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:

STT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Số lượng (kg/năm)	Mã CTNH
1	Chất thải có thành phần nguy hại	Rắn	115	14 02 01
2	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải.	Rắn	12	16 01 06
3	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải.	Lỏng	5	17 02 04
4	Giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại.	Rắn	5	18 02 01
5	Bao bì cứng bằng nhựa	Rắn	100	18 01 03
6	Pin, ắc quy thải	Rắn	10	16 01 12
7	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải.	Rắn	12	16 01 06
Tổng số lượng			247	

1.2. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh:

TT	Loại chất thải	Khối lượng (kg/ngày)
1	Rác thải sinh hoạt	115

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải y tế lây nhiễm, chất thải nguy hại:

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

2.1.1. Thiết bị lưu chứa: thùng nhựa cứng, có nắp đậy; đảm bảo đủ số lượng thùng chứa riêng cho từng loại chất thải nguy hại.

2.1.2. Kho lưu chứa:

- Diện tích 6 m².
- Thiết kế, cấu tạo của kho/khu vực lưu chứa: Kho được xây tường gạch bao quanh, mái che bằng tôn, nền bê tông có gờ chắn tránh nước mưa chảy tràn từ bên ngoài vào; trang bị các dụng cụ, thiết bị, vật liệu sau: có đầy đủ thiết bị, dụng cụ phòng cháy chữa cháy theo quy định của pháp luật về phòng cháy chữa cháy; có vật liệu hấp thụ (như cát khô hoặc mùn cưa) và xẻng để sử dụng trong trường hợp rò rỉ, rơi vãi, đổ tràn chất thải nguy hại ở thể lỏng; có biển dấu hiệu cảnh báo, phòng ngừa phù hợp với loại chất thải nguy hại được lưu giữ theo tiêu chuẩn Việt Nam về dấu hiệu cảnh báo liên quan đến chất thải nguy hại và có kích thước tối thiểu 30 cm mỗi chiều.

2.1.3. Biện pháp xử lý:

Đối với chất thải nguy hại: hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

Đối với rác thải sinh hoạt: Ký hợp đồng và bàn giao chất thải sinh hoạt cho đơn vị có chức năng thu gom, xử lý theo đúng hướng dẫn của Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 và Thông tư 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

1. Thu gom, vận chuyển, xử lý các loại chất thải nguy hại, chất thải rắn sinh hoạt phát sinh trong quá trình hoạt động của Dự án đảm bảo các yêu cầu về bảo vệ môi trường theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

2. Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.

3. Tuân thủ các yêu cầu về an toàn lao động, phòng cháy, chữa cháy và các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong quá trình xây dựng và hoạt động Dự án theo các quy định pháp luật hiện hành./.

Phụ lục 3
CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số/GPMT-UBND
ngày ... tháng ... năm 2024 của Ủy ban nhân dân huyện)

A. YÊU CẦU CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG

Không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

C. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

1. Quản lý chất thải rắn phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2. Thiết kế, xây dựng hệ thống xử lý nước mưa riêng biệt với hệ thống thu gom nước thải; thu gom, xử lý nước thải của Dự án đạt chuẩn QCV14:2008/BTNMT, cột A với hệ số $K = 1,2$. Tuyệt đối không được xả nước thải xử lý chưa đạt quy chuẩn quy định ra môi trường.

3. Thực hiện quản lý các loại chất thải rắn, chất thải nguy hại phát sinh trong suốt quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ Môi trường.

4. Thường xuyên theo dõi chất lượng nước thải của Dự án sau xử lý để kiểm soát chất lượng nước thải từ quá trình hoạt động của Dự án theo đúng quy định.

5. Xây dựng phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố nước thải, sự cố hóa chất đảm bảo đúng theo quy định hiện hành.

6. Bố trí diện tích đất để trồng cây xanh trong khuôn viên đất của Dự án theo đúng tỷ lệ quy định của pháp luật.

7. Tuân thủ các quy định của pháp luật về an toàn lao động, an toàn giao thông, an toàn thực phẩm, phòng cháy chữa cháy theo quy định hiện hành.

8. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hoặc đột xuất đến Ủy ban nhân dân huyện; công khai thông tin môi trường về kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định.

9. Thực hiện đầy đủ trách nhiệm theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật nêu tại Giấy phép môi trường này có sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới./.